

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Giai đoạn đánh giá: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019
đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 2 năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Giai đoạn đánh giá: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019
đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 2 năm 2024

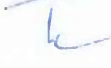
Handwritten signature

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2024

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH
KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH**

STT	Họ và tên	Học hàm/ Học vị	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Nguyễn Thanh Hiệp	PGS. TS. BS	Hiệu Trường	Chủ tịch	
2	Bà Phan Nguyễn Thanh Vân	TS. BS	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Bà Đặng Trần Ngọc Thanh	TS	Trưởng khoa Điều dưỡng-Kỹ thuật Y học	Phó Chủ tịch	
4	Bà Nguyễn Thị Ngọc Lâm	ThS	Phó Trưởng Bộ môn Xét nghiệm	Thư ký	
5	Ông Hồ Nguyễn Anh Tuấn	TS. BS	Phó Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo Đại học (phụ trách quản lý, điều hành)	Thành viên	
6	Ông Nguyễn Tuấn Kiệt	ThS	Phụ trách quản lý điều hành Phòng Bảo đảm chất lượng Hội đồng Khoa học Đào tạo	Thành viên	
7	Ông Phùng Đức Nhật	TS. BS	Phó Trưởng Phòng Bảo đảm chất lượng	Thành viên	
8	Ông Nguyễn Ngọc Minh	TS. BS	Phó Trưởng Phòng Nghiên cứu khoa học	Thành viên	
9	Ông Nguyễn Văn Kiên	ThS	Phó Trưởng Phòng Công tác Sinh viên	Thành viên	
10	Ông Nguyễn Kim Vũ	ThS. BS	Phó Trưởng Phòng Quản lý Thực hành Lâm sàng	Thành viên	

STT	Họ và tên	Học hàm/ Học vị	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
			sáng		
11	Ông Đặng Chí Vũ Luân	TS. BS	Trưởng Thư viện	Thành viên	
12	Ông Nguyễn Dũng Tuấn	ThS. BS	Trưởng Phòng Khảo thí Thành viên Hội đồng Trường	Thành viên	
13	Ông Lưu Xuân Thu	BS. CKII	Trưởng Phòng Tổ chức Cán bộ	Thành viên	
14	Ông Nguyễn Thành Thuận	CN	Phó Trưởng Phòng Tài chính kế toán (phụ trách quản lý, điều hành)	Thành viên	
15	Ông Phạm Công Danh	ThS. BS	Phó chánh văn phòng	Thành viên	
16	Bà Đỗ Thị Hà	TS. ĐD	Trưởng Bộ môn Điều dưỡng Cộng đồng	Thành viên	
17	Ông Nguyễn Trọng Phúc		Đại diện Sinh viên	Thành viên	

(Danh sách gồm có 17 người./.)

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
Mục lục	3
Danh mục chữ viết tắt	6
Danh mục Bảng	8
Danh mục Hình	13
Danh mục Sơ đồ	14
Phần I. KHÁI QUÁT	15
1. Đặt vấn đề	15
2. Tổng quan chung	18
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	29
Tiêu chuẩn 1	29
Mở đầu	29
Tiêu chí 1.1	30
Tiêu chí 1.2	36
Tiêu chí 1.3	39
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	42
Tiêu chuẩn 2	42
Mở đầu	42
Tiêu chí 2.1	42
Tiêu chí 2.2	46
Tiêu chí 2.3	50
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	53
Tiêu chuẩn 3	53
Mở đầu	53
Tiêu chí 3.1	54
Tiêu chí 3.2	57
Tiêu chí 3.3	62
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	67
Tiêu chuẩn 4	67
Mở đầu	67
Tiêu chí 4.1	68
Tiêu chí 4.2	72
Tiêu chí 4.3	77
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	81
Tiêu chuẩn 5	81

NỘI DUNG	TRANG
Mở đầu	81
Tiêu chí 5.1	81
Tiêu chí 5.2	86
Tiêu chí 5.3	89
Tiêu chí 5.4	93
Tiêu chí 5.5	96
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	97
Tiêu chuẩn 6	98
Mở đầu	98
Tiêu chí 6.1	98
Tiêu chí 6.2	102
Tiêu chí 6.3	104
Tiêu chí 6.4	106
Tiêu chí 6.5	109
Tiêu chí 6.6	112
Tiêu chí 6.7	115
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 6</i>	119
Tiêu chuẩn 7	120
Mở đầu	120
Tiêu chí 7.1	120
Tiêu chí 7.2	123
Tiêu chí 7.3	125
Tiêu chí 7.4	127
Tiêu chí 7.5	130
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 7</i>	132
Tiêu chuẩn 8	133
Mở đầu	133
Tiêu chí 8.1	133
Tiêu chí 8.2	137
Tiêu chí 8.3	140
Tiêu chí 8.4	144
Tiêu chí 8.5	151
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 8</i>	156
Tiêu chuẩn 9	156
Mở đầu	156
Tiêu chí 9.1	157

NỘI DUNG	TRANG
Tiêu chí 9.2	158
Tiêu chí 9.3	162
Tiêu chí 9.4	165
Tiêu chí 9.5	167
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 9</i>	170
Tiêu chuẩn 10	171
Mở đầu	171
Tiêu chí 10.1	171
Tiêu chí 10.2	176
Tiêu chí 10.3	180
Tiêu chí 10.4	184
Tiêu chí 10.5	187
Tiêu chí 10.6	189
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10</i>	192
Tiêu chuẩn 11	193
Mở đầu	193
Tiêu chí 11.1	193
Tiêu chí 11.2	198
Tiêu chí 11.3	201
Tiêu chí 11.4	203
Tiêu chí 11.5	206
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 11</i>	209
<i>PHẦN III. KẾT LUẬN</i>	210
<i>PHẦN IV. PHỤ LỤC</i>	229

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	NGHĨA
BDCL	Bảo đảm chất lượng
BM	Bộ môn
CDR	Chuẩn đầu ra
CLO	(<u>C</u> ourse <u>L</u> earning <u>O</u> utcome) Chuẩn đầu ra học phần
CNTT	Công nghệ thông tin
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CTSV	Công tác sinh viên
CVHT	Cố vấn học tập
ĐCCT	Đề cương chi tiết
ĐD-KTYH	Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học
ĐHYKPNT	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch
GDĐH	Giáo dục đại học
GDĐT	Giáo dục và đào tạo
GV	Giảng viên
GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
HP	Học phần
KLTN	Khoá luận Tốt nghiệp
KT	Khảo thí
KTXNYH	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCV	Nghiên cứu viên
NH	Người học
PI	(<u>P</u> erformance <u>I</u> ndicator) Chỉ số đánh giá
PLO	(<u>P</u> rogram <u>L</u> earning <u>O</u> utcome) Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
PO	(<u>P</u> rogram <u>O</u> bject) Mục tiêu chương trình đào tạo
PVCD	Phục vụ cộng đồng
QLĐTĐH	Quản lý đào tạo đại học
SM-TN	Sứ mạng-Tâm nhìn
SV	Sinh viên
TCCB	Tổ chức cán bộ

CHỮ VIẾT TẮT	NGHĨA
TĐG	Tự đánh giá
THLS	Thực hành lâm sàng
THPT	Trung học phổ thông
TLTK	Tài liệu tham khảo
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TTCS	Thực tập cơ sở
TTTN	Thực tế Tốt nghiệp

20

DANH MỤC BẢNG

STT/MÃ	TÊN BẢNG	TRANG
Bảng 1	Thống kê số lượng lớp Đào tạo liên tục và số chứng chỉ, chứng nhận đã cấp từ 2019-2023	20
Bảng 2	Thống kê số lượng nhân sự tham dự các lớp CEP	21
Bảng 3	Thống kê số lượng nhân sự tham dự các lớp AFDP	22
Bảng 4	Thống kê các lớp Đào tạo y khoa liên tục thuộc Khoa ĐD-KTYH	26
Bảng 1.1	So sánh sự thay đổi CTĐT ngành KTXNYH trình độ Đại học qua các năm học	30
Bảng 1.1.1	Bảng đối sánh mục tiêu CTĐT ngành KTXNYH trình độ Đại học với SM-TN của Trường ĐHYKPNT qua các giai đoạn	31
Bảng 1.1.2	Đối sánh mục tiêu của CTĐT ngành KTXNYH trình độ Đại học năm 2018, 2020 và 2023 với mục tiêu GDDH của Luật	33
Bảng 1.1.3	Đối sánh mục tiêu của CTĐT ngành KTXNYH năm 2023 với Khung trình độ quốc gia Việt Nam	34
Bảng 1.1.4	Đối sánh sự thay đổi về CDR của CTĐT ngành KTXNYH trình độ Đại học qua các phiên bản	37
Bảng 1.3.1	Các hình thức công khai CDR CTĐT ngành KTXNYH trình độ Đại học	41
Bảng 2.1.1	So sánh nội dung bản mô tả CTĐT ngành KTXNYH trình độ Đại học năm 2018, 2020 và 2023	44
Bảng 2.2.1	Bảng thống kê một số thay đổi chính trong ĐCCT các HP sau rà soát cập, nhật định kỳ giai đoạn 2019-2023	48
Bảng 2.3.1	Thống kê các hình thức công khai Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP	50
Bảng 3.2.1	Ma trận đáp ứng CDR của 100% các HP của CTDH ngành KTXNYH	58
Bảng 3.3.1	Bảng cấu trúc CTDH ngành KTXNYH trình độ Đại học năm 2023	63

STT/MÃ	TÊN BẢNG	TRANG
Bảng 4.2.1	Sự phù hợp của việc thiết kế hoạt động dạy và học nhằm đạt CDR	73
Bảng 5.1.1	Quan hệ giữa phương pháp kiểm tra đánh giá với CDR (PLO) ngành KTXNYH trình độ Đại học	83
Bảng 5.3.1	Thống kê tần suất áp dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá trong các HP chuyên ngành KTXNYH	90
Bảng 5.3.2	Kết quả khảo sát NH về phương pháp kiểm tra, đánh giá	92
Bảng 6.1.1	Thống kê số lượng quy hoạch đội ngũ GV, NCV Khoa ĐD-KTYH giai đoạn 2019-2023	99
Bảng 6.1.2	Thống kê phân loại GV cơ hữu thuộc Khoa ĐD - KTYH năm 2023	99
Bảng 6.1.3	Thống kê kinh phí đào tạo bồi dưỡng đội ngũ GV	101
Bảng 6.2.1	Tỷ lệ NH/GV từ năm 2019-2023 của ngành KTXNYH và Trường ĐHYKPNT	102
Bảng 6.2.2	Định mức giờ chuẩn của GV qua các năm 2019-2023	103
Bảng 6.4.1	Khung năng lực của đội ngũ GV, NCV xác định theo quy định hiện hành	106
Bảng 6.4.2	Số lượng GV Khoa ĐD-KTYH tốt nghiệp các lớp Phát triển GV	107
Bảng 6.5.1	Bảng đối sánh số lượng GV tham gia các CTĐT Sau đại học của Khoa ĐD-KTYH giai đoạn 2019-2023	110
Bảng 6.5.2	Bảng đối sánh số lượng GV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của Khoa ĐD-KTYH giai đoạn 2019-2023	111
Bảng 6.5.3	Bảng đối sánh số lượng lớp CME, hội thảo, sinh hoạt chuyên đề của Khoa ĐD-KTYH tổ chức giai đoạn 2019-2023	111
Bảng 6.6.1	Đối sánh kết quả đánh giá GV, NCV của Khoa ĐD-KTYH qua các năm học	113
Bảng 6.6.2	Thống kê, đối sánh kết quả thi đua khen thưởng GV/NCV qua các năm học	114

STT/MÃ	TÊN BẢNG	TRANG
Bảng 6.7.1	Các bài báo đăng tạp chí trong và ngoài nước của Khoa ĐD-KTYH giai đoạn 2019-2023	116
Bảng 6.7.2	Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của Khoa ĐD-KTYH báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình/kỷ yếu giai đoạn 2019-2023	117
Bảng 7.1.1	Đội ngũ nhân viên thuộc các Ban chức năng của Khoa ĐD-KTYH	122
Bảng 7.1.2	Trình độ nhân viên thuộc Văn phòng Khoa ĐD-KTYH năm 2023	122
Bảng 7.4.1	Bảng đối sánh số lượng tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của Khoa ĐD-KTYH từ năm 2019-2023	128
Bảng 8.1.1	So sánh điểm trúng tuyển ngành KTXNYH của các Trường đào tạo khối ngành sức khỏe từ năm 2019-2023	136
Bảng 8.4.1	Tỉ lệ SV Khoa ĐD-KTYH tham gia các hoạt động ngoại khóa	146
Bảng 8.4.2	Thống kê số lượng SV được nhận học bổng học tập ngành KTXNYH qua các năm 2019-2023	147
Bảng 8.4.3	Thống kê số lượng SV được miễn, giảm học phí ngành KTXNYH qua các năm 2019-2023	147
Bảng 8.4.4	Bảng thống kê tỷ lệ NH có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của các ngành học thuộc Trường ĐHYKPNT	148
Bảng 8.4.5	Đối sánh tỉ lệ có việc làm của NH tốt nghiệp năm 2023 của các CTĐT thuộc Trường ĐHYKPNT	148
Bảng 8.4.6	Kết quả khảo sát tình hình việc làm của NH ngành KTXNYH vừa tốt nghiệp tháng 11/2023	149
Bảng 8.5.1	Đối sánh số lượng đề tài và giải thưởng Hội nghị Khoa học công nghệ tuổi trẻ cấp trường và toàn quốc qua các năm	152
Bảng 8.5.2	Tỷ lệ bạn đọc hài lòng về cơ sở vật chất, trang thiết bị, hoạt động phục vụ của Thư viện giai đoạn 2029-2023	155
Bảng 9.2.1	Số liệu về nguồn học liệu của Khoa ĐD-KTYH	160

STT/MÃ	TÊN BẢNG	TRANG
Bảng 9.2.2	Tổng số lượng các nguồn tài liệu tại Thư viện vệ tinh qua các năm	161
Bảng 9.3.1	Thống kê các dự án của Trường ĐHYKPNT	162
Bảng 10.1.1	Thống kê quy mô khảo sát của Trường ĐHYKPNT và ngành KTXNYH đã triển khai giai đoạn 2019-2023	172
Bảng 10.1.2	Nội dung cập nhật, thay đổi liên quan đến ĐCCT ngành KTXNYH	173
Bảng 10.3.1	Kết quả khảo sát về phương pháp kiểm tra đánh giá từ năm 2019-2023	183
Bảng 10.4.1	Thống kê về số lượng các báo cáo NCKH đã thực hiện qua các năm	185
Bảng 10.4.2	Các công trình NCKH của GV được sử dụng làm bài giảng, TLTK, bài tập tình huống cập nhật thông tin của giai đoạn 2019-2023	185
Bảng 10.5.1	Dữ liệu thống kê bạn đọc vào và sử dụng nguồn tài nguyên học liệu của Thư viện 2029-2023	188
Bảng 10.6.1	Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan	190
Bảng 11.1.1	Số lượng, tỷ lệ NH tốt nghiệp đúng hạn và tỷ lệ NH thôi học (theo nguyện vọng, buộc thôi học) của CTĐT ngành KTXNYH (từ 2015 đến nay)	194
Bảng 11.1.2	Đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học và buộc thôi học theo CTĐT ở Khoa ĐD-KTYH	195
Bảng 11.2.1	Thống kê tỷ lệ NH tốt nghiệp ngành KTXNYH qua các khoá đào tạo	198
Bảng 11.2.2	Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành đào tạo Khoa ĐD-KTYH	199
Bảng 11.3.1	Đối sánh tỉ lệ NH có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp các CTĐT Trình độ Cử nhân của Trường ĐHYKPNT	202
Bảng 11.4.1	Thông tin hoạt động NCKH của NH	204

STT/MÃ	TÊN BẢNG	TRANG
Bảng 11.4.2	Thống kê số lượng NH làm NCKH ngành KTXNYH giai đoạn 2019-2023	205

DANH MỤC HÌNH

STT/MÃ	TÊN HÌNH	TRANG
Hình 3.1	Nguyên tắc Constructive alignment (Carleton University Open materials, n.d.)	54
Hình 3.2	Sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các HP đáp ứng CDR PLO8	56
Hình 3.3	Sơ đồ tiến trình đào tạo CTĐT ngành KTXNYH trình độ Đại học	64
Hình 4.1	Mục tiêu giáo dục của Trường năm 2014	68
Hình 4.2	Mô phỏng sự đa dạng các phương pháp giảng dạy phù hợp để đạt CDR	74
Hình 6.1	Xếp hạng tổng thể chỉ số nghiên cứu của các cơ sở GDĐH năm 2019	117
Hình 8.1	Một số thay đổi trong Đề án tuyển sinh của Trường ĐHYKPNT qua các năm	139
Hình 8.2	Giao diện ứng dụng My PNT	143



DANH MỤC SƠ ĐỒ

STT/MÃ	TÊN SƠ ĐỒ	TRANG
Sơ đồ 10.1	Quy trình xây dựng CTDH	178